

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 14 - 01 - 2022
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hiệu, ông Đỗ Đình Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Bản K, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La. (Có mặt)

Ông Lò văn M, sinh năm 1965, địa chỉ: Bản K, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La. Người được ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Bản K, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La. (theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2021).

2/ Bị đơn: Anh Hạng A T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản SĐ, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3/ Người làm chứng:

1. Anh Lường Văn A. Trú tại: Bản P, xã CK, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
2. Chị Lường Thị Dương. Trú tại: Bản T, xã CK, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.
3. Bà Hoàng Thị Mãng. Trú tại: Bản C, xã CK, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
4. Bà Lò Thị Tiệp. Trú tại: Bản K, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
5. Ông Lò Văn T. Trú tại: Bản SĐ, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
6. Anh Lò Văn Bằng. Trú tại: Bản K, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án của nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày như sau:

Năm 1984 gia đình ông bà khai phá thửa đất tại SĐ, xã CK, huyện Mộc Châu để làm nương tằm gia sản xuất, những năm đầu gia đình ông bà làm nương đến năm 1989 thì gia đình làm ruộng dưới chân nương có diện tích ruộng đến nay khoảng 2.000 m² và nương khoảng 7.000 m², tổng khoảng 9.000 m². Sau khi khai phá gia đình ông bà vẫn làm nương làm ruộng hằng năm, do xa nhà nên gia đình dựng lán ở để vừa trông ruộng nương và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngày 18/10/2000 gia đình ông bà được UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 904852 với diện tích 1.350 m² tại thửa số 10 tờ bản đồ số 14, tuy diện tích chưa đúng so với diện tích đất ông đang sử dụng thực tế nhưng gia đình ông bà vẫn sử dụng ổn định từ trước cho đến nay. Trong quá trình sử dụng liên tục từ năm 1984 đến cuối năm 2018 gia đình ông bà không có tranh chấp với ai.

Năm cuối 2018 ông bà về chăm sóc mẹ (bà Hoàng Thị Háy mẹ ông M) già ốm nên ông bà cho con trai là anh Lò Văn B lên trông ruộng và nương giúp ông bà, theo ông bà được biết anh B đã cho anh Hạng A T thuê làm nương trong 02 năm vào năm 2019 đến năm 2020 việc thuê đất được anh B và anh T lập giấy viết tay (giấy do anh T giữ) nhưng ông bà không được biết đến năm 2021 anh T tiếp tục làm nên ông bà đòi lại đất nhưng anh T không trả thì xảy ra tranh chấp, trong quá trình thuê đất của gia đình, anh Hạng A T có phát thêm xung quanh

thửa đất đã thuê để mở rộng chỗ thuê, những chỗ anh T phát thêm cũng nằm trong đất nương của gia đình ông bà bỏ không do đất bạc màu.

Nay ông bà yêu cầu anh Hạng A T trả lại toàn bộ diện tích đất anh Hạng A T lấn chiếm là 4.868,9 m².

Ông Lò văn M trình bày: Ông là chồng bà Hoàng Thị T và hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của bà Thanh.

2/ Bị đơn: Anh Hạng A T trình bày: Năm 1990 anh chuyển từ huyện Bắc Yên về sinh sống tại bản SĐ, xã CK, huyện Mộc Châu, xây dựng gia đình năm 2009 và sinh sống tại Bản SĐ, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Cuối năm 2018 anh thỏa thuận thuê một mảnh đất nương của ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T tại bản SĐ, xã CK, huyện Mộc Châu thông qua anh Lò Văn B (là con trai của ông M - T) với diện tích khoảng 3.000 m² để trồng lúa với tiền thuê là 600.000 đồng/1năm, đến năm 2020 anh lại thuê thêm một năm nữa với tiền thuê là 400.000 đồng/1năm. Việc thuê đất được anh với anh Lò Văn B lập giấy viết tay.

Trong quá trình thuê anh có phát thêm xung quanh diện tích khoảng hơn 3000 m². Vào khoảng tháng 4/2021 anh được biết khu mảnh nương anh đang thuê của gia đình ông M bà T không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T mà là đất của Bản SĐ, xã CK, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Đối với yêu cầu của ông Lò văn M, bà Hoàng Thị T yêu cầu anh phải trả diện tích nương anh đang sử dụng anh không đồng ý, trường hợp diện tích đất trên nằm trong Giấy CNQSDĐ của ông bà M - T thì anh sẽ nhất trí trả lại ông bà M - T, vì theo anh được biết mảnh nương anh thuê là đất của bản SĐ nên anh sẽ vẫn tiếp tục canh tác trên diện tích đất trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không cung cấp cho Tòa án hợp đồng thuê khoán giữa anh Hạng A T với anh Lò Văn Bằng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm, đồng thời vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án.

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thủ tục tố tụng đầy đủ, đảm bảo như: Tiếp nhận tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp; Văn bản xác nhận đã nhận được đơn khởi kiện; thông báo về việc thụ lý vụ án; phân công người tiến hành tố tụng; mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo, triệu tập đương sự để giải quyết vụ án, ...

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Quá trình giải quyết vụ việc của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ đảm bảo khách quan để giải quyết vụ án theo quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ.

- Việc chấp hành pháp luật của bị đơn: Bị đơn không có yêu cầu phản tố; chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 100, Điều 166, Điều 203, khoản 1 Điều 210 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2019/QH12 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn M và bà Hoàng Thị T về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Hạng A T phải trả lại diện tích đất 4.868,9m² đất cho ông Lò Văn M và bà Hoàng Thị T.

Đất nhận Hạng A T thuê của gia đình ông M có diện tích 1634,9m², có các vị trí tiếp giáp cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đất ông M từ M14-M15 là 23,6m, M15-M16 là 19,0m, M16-M1 là 11,7m, phía Tây giáp đất ông M M1 – M17 là 29,3m, phía Đông giáp đất ông M là ruộng M13 – M14 là 33,3m, Phía Nam giáp đất ông M M13 – M17 là 50,6m.

Đất Hạng A T khai phá có diện tích 3234m², có các vị trí tiếp giáp cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đất ông M từ M13-M17 là 50,6m, M1-M2 là 5,4m, M2-M3 là 7,7m, phía Tây giáp đất ông T M3 – M4 là 2,9m, M4 – M5 là 14,9m, M5 – M6 là 24,4m, M6 – M7 là 18,6m, phía Đông giáp ruộng ông M là M11 – M12 là 25,3m, M12 – M13 là 34,3m M17 – M11 là 29,3m, Phía Nam

giáp đất ông Sọng M7 – M8 là 13,7m, M8 – M9 là 19,1m. M9 – M10 là 27,1m, M10 – M11 là 33,2m.

2. Về chi tố tụng, án phí:

- Buộc anh Hạng A T hoàn trả cho ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T số tiền chi xem xét thẩm định tại chỗ.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc hội đề nghị miễn án phí DSST cho: Ông Lò văn M, bà Hoàng Thị T, Hạng A T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu anh Hạng A T trả lại phần đất diện tích là 4.868,9m² lấn chiếm đất của gia đình ông. Do phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã CK, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La nên Hội đồng xét xử xác định đây vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 luật đất đai năm 2013.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T yêu cầu anh Hạng A T trả lại diện tích đất anh T lấn chiếm của ông bà nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Đối với người làm chứng Anh Lương Văn Ân, bà Hoàng Thị Màng, bà Lò Thị Tiện, ông Lò Văn T, anh Lò Văn B vắng mặt nhưng đã có lời khai nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T khai phần đất đang tranh chấp này do ông bà khai phá từ năm 1984 để làm nương trồng lúa sau đó gia đình ông bà có làm ruộng dưới chân nương và làm liên tục cho đến cuối năm 2018, phần đất nương do nương rộng và gia đình ông neo người hàng năm gia đình ông làm ruộng và làm một phần nương được vài năm gia đình ông bỏ không một phần và làm những phần chưa làm tới để tránh bạc màu. Do phần đất này ở xa nhà (cách nhà gần 10km) nên gia đình ông bà phải dựng lán ở trên nương trồng ruộng, nương và chăn nuôi gia súc, gia cầm để tăng gia sản xuất lời khai của ông bà phù hợp với lời khai những người làm chứng anh Lương Văn Ân (con ông Lương Văn Sọng), bà Hoàng Thị Màng, ông Lò Văn T, Lò Thị Tiện... đều xác định nguồn gốc đất như nguyên đơn

trình bày và họ cùng sinh sống trên khu nương bản SĐ, xã CK, sử dụng ổn định cho đến nay, phù hợp với sổ địa chính và sơ đồ giao đất lâm nghiệp – đất rừng năm 2000 và ý kiến của UBND xã CK là thửa đất hiện đang có tranh chấp của gia đình ông M bà T tự khai phá và sử dụng ổn định, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định và đã được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 904852 với diện tích 1.350m² tại thửa số 10 tờ bản đồ số 14. Đó đó HĐXX có cơ sở khẳng định thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T khai phá.

[5] Xét về quá trình sử dụng đất: Từ khi khai phá năm 1984 ông bà sử dụng làm nương, ruộng tăng gia sản xuất và dựng lán tại thửa đất để chăn nuôi gia súc, gia cầm đồng thời trồng ruộng, nương ổn định cùng một số hộ dân cho đến cuối năm 2018 do mẹ ông Lò văn M ốm nặng nên vợ chồng ông bà về chăm sóc bà, ông bà cho con trai anh Lò Văn B lên trông trong thời gian ông bà về nhà thì anh Bằng cho anh Hạng A T thuê lời khai này phù hợp với lời khai của những người làm chứng anh Lò Văn B khai cuối năm 2018 anh lên trông nương, ruộng giúp bố mẹ thì anh cho anh T thuê làm nương trên mảnh nương của gia đình trong thời gian 02 năm và lời khai của bị đơn anh Hạng A T cũng đã khẳng định cuối năm 2018 anh thuê đất của ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T với anh Lò Văn B và xảy ra tranh chấp.

[5.1] Xét lời khai của anh Hạng A T cuối năm 2018 anh thuê đất để trồng lúa của gia đình ông Lò văn M và Hoàng Thị T với anh Lò Văn B (con trai ông bà M-T) việc thuê đất chỉ làm giấy tay và thuê từng năm một, giấy hợp đồng thuê do anh T giữ, năm 2019 số tiền thuê là 600.000 đồng/năm, sang năm 2020 anh tiếp tục thuê đất với anh B với giá 400.000 đồng/năm và anh đã trả đủ số tiền thuê cho anh B xét việc thuê không xảy ra tranh chấp và đã được thanh toán đầy đủ và anh T đã sử dụng đất đúng với yêu cầu, nguyên đơn cũng không khởi kiện để yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc hợp đồng thuê giữa anh T và anh B, ngoài ra các đương sự không cung cấp được hợp đồng thuê khoán và việc thuê khoán đã hoàn thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5.2] Anh Hạng A T cho rằng trong quá trình sử dụng đất của gia đình ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T từ cuối năm 2018 đến năm 2020 anh có trả tiền thuê cho anh Lò Văn B, nhưng đến năm 2021 anh tiếp tục sử dụng và không thuê hay trả tiền cho ai mà cho rằng thửa đất này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông M và bà T và là đất cộng đồng bản

SĐ, xã CK nên anh có quyền sử dụng và sẽ tiếp tục sử dụng, như nhận định phần [3] nguồn gốc đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bà M Thanh và trong quá trình sử dụng anh có phát mở rộng thêm xung quanh thửa đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2021 thì phần anh T phát thêm là nằm trong phần đất nương của gia đình ông M bà Thanh bỏ hoang được vài năm do đất bạc màu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T buộc anh Hạng A T trả lại diện tích 4.868,9m² là có căn cứ được chấp nhận.

[6] Xét hiện trạng sử dụng đất: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đối với phần đất có tranh chấp giữa gia đình ông M bà T với anh Hạng A T ngày 26 tháng 11 năm 2021, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ như sau:

Thửa đất số 10 tờ bản đồ 14 tại bản Suối Đon, xã CK, huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 904854 mang tên ông Lò văn M. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10 tờ bản đồ 14 thì diện tích đất mang tên ông Lò văn M là 1.350m².

Theo kết quả trích đo thực tế hiện trạng diện tích đất của gia đình ông Lò văn M bà Hoàng Thị T có tổng diện tích sử dụng là 8.751,5m². Đối chiếu với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10 tờ bản đồ 14 thì diện tích đo đạc thực tế tăng 7.701,5m² (thuộc đất nông nghiệp), trong đó phần diện tích liên quan đến tranh chấp là 4.868,9m².

Đối với phần chênh lệch diện tích đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Lò văn M bà Hoàng Thị T so với diện tích đất thực tế được đo đạc tăng là do vào năm 1999, thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình theo Chỉ thị 10/1998/CT-TTg ngày 20/02/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình được thực hiện đo vẽ thủ công trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó không thể hiện được đúng theo kích thước cạnh thửa, diện tích, hình thể thửa đất thực tế sử dụng.

[7] Đối với diện tích đất thực tế sử dụng (tăng thêm) so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 904854 tại thửa đất số 10 tờ bản đồ 14 thì diện tích đất mang tên ông Lò văn M là 1.350m², ông Lò văn M phải có trách nhiệm kê khai biến động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phù hợp với thực tế sử dụng của gia đình.

[8] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T được chấp nhận nên anh Hạng A T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Do ông bà M – Thanh đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án nên anh Hạng A T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông M và bà Thanh số tiền trên.

[9] Về án phí: Anh Hạng A T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí, do đó cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T số tiền dự phí đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T.

Buộc anh Hạng A T trả lại diện tích đất 4.868,9m² cho ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T. Đất có các tứ cạnh phía bắc tiếp giáp đất ông Lò văn M từ M14 đến M16 và từ M16 đến M2 dài 59m; phía Tây tiếp giáp đất ông T từ M3 đến M6 và tiếp giáp đất ông M từ M2 đến M3 dài 49m; phía Nam tiếp giáp đất ông Sọng (Âu) từ M6 đến M11 dài 111m; phía Đông tiếp giáp đất ruộng ông M từ M11 đến M14 dài 92m. Trên đất không có tài sản gì.

(Có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo)

2. Ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất để phù hợp với thực tế sử dụng của gia đình.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Hạng A T hoàn trả cho ông Lò văn M và bà Hoàng Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn).

“Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

chậm thi hành án theo mức lãi xuất tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự”.

4. Về án phí: Anh Hạng A T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lò văn M được trả lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000524, ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/01/2022).

“Trường hợp bản án được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- CCTHA DS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đèo Văn Quỳnh